

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 15/8/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Minh và ông R Mah In (Ama Ka)

- ***Thư ký phiên tòa:*** Anh Lương Văn Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Quốc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2025/TLST- DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 17/2025/QĐXXST – DS ngày 13/06/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST – DS ngày 01/7/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/ QĐST – DS ngày 18/7/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Huỳnh Thị Kim Th, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Trú tại: TDP5, xã KB, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện theo uỷ quyền: Võ Ngọc R sinh năm 1995 (có mặt)

Trú tại: TDP5, xã KB, tỉnh Đắk Lắk

- **Bị đơn:** Phạm Đình L (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 8, HS, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tại các biên bản làm việc tại Toà án cũng như tại phiên

toà hôm nay, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Bà Th và ông Phạm Đình L có biết nhau qua làm ăn. Ngày 06 tháng 12 năm 2023 ông L có liên lạc đề nghị vay bà Th 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) để làm ăn kinh doanh. Bà Th đã đồng ý và chuyển khoản tổng số tiền 400.000.000 qua cho ông L từ tài khoản 6320741828 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tên gọi tắt: "BIDV" chủ tài khoản Huỳnh Thị Kim Th qua số tài khoản 060104404920 ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín viết tắt "Sacombank" chủ tài khoản ông Phạm Đình L :

Sau đó ngày 12/12/2023 ông L tiếp tục liên lạc và vay bà Th thêm 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) . Bà Th đã chuyển cho ông L cụ thể làm 2 lần :

Lần 1 ngày 12/12/2023 bà Th đã chuyển 100.000.000 đồng cho ông L từ tài khoản 6320741828 Ngân hàng BIDV chủ tài khoản Huỳnh Thị Kim Th qua số tài khoản 060104404920 Ngân hàng Sacombank chủ tài khoản ông Phạm Đình L.

Lần 2 ngày 16/12/2023 bà Th đã chuyển 100.000.000 đồng cho ông L từ tài khoản 6320741828 Ngân hàng BIDV chủ tài khoản Huỳnh Thị Kim Th qua số tài khoản 060104404920 Ngân hàng Sacombank chủ tài khoản ông Phạm Đình L.

Ngày 17/12 /2023 ông L tiếp tục liên hệ và vay bà Th thêm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) . Bà Th đồng ý và đã chuyển 96.000.000 đồng cho ông L từ tài khoản 6320741828 Ngân hàng BIDV chủ tài khoản Huỳnh Thị Kim Th qua số tài khoản 060104404920 Ngân hàng Sacombank chủ tài khoản ông Phạm Đình L. Đồng thời bà Th đã đưa thêm 4.000.000 đồng tiền mặt để đủ số tiền cho ông L vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngày 18/12/2023 Ông L có viết cho bà Th 1 bản hợp đồng thỏa thuận trách nhiệm để ghi nhận về việc vay số tiền trên.

Ngày 26/12/2023 ông L tiếp tục liên hệ và vay bà Th số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Bà Th đồng ý và đã tiếp tục chuyển 200.000.000 đồng cho ông L từ tài khoản 632074182 Ngân hàng 8BIDV chủ tài khoản Huỳnh Thị Kim Th qua số tài khoản 060104404920 Ngân hàng Sacombank chủ tài khoản ông Phạm Đình L.

Ngày 10/01/2024 ông L tiếp tục liên hệ và vay bà Th thêm 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) . Bà Th đồng ý và đã chuyển tiếp 100.000.000 đồng cho ông L từ tài khoản 6320741828 Ngân hàng BIDV chủ tài khoản Huỳnh Thị Kim Th qua

số tài khoản 060104404920 Ngân hàng Sacombank chủ tài khoản ông Phạm Đình L.

Hai lần mượn sau này do đã tin tưởng ông L nên bà Th không bắt ông Linh viết giấy ghi nợ .Tuy nhiên sau đó ngày 26/01/2024 ông L đã liên hệ và trả bà Th 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Như vậy, tổng số tiền ông L còn nợ bà Th là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng). Tháng 2 năm 2024 bà Th cần sử dụng số tiền trên nên có yêu cầu ông L hoàn trả lại số tiền trên cho bà Th. Tuy nhiên, ông L lẩn tránh nhiều lần và không trả lại số tiền trên cho bà Th.

Việc làm của ông L ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th. Do đó bà Th yêu cầu Toà án nhân dân huyện Krông Bông nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Đăk Lăk giải quyết buộc ông Phạm Đình L phải trả lại cho bà Th số tiền nợ là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Về tiền lãi : bà Th không yêu cầu Toà án giải quyết

Về án phí: Bà Th đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 04/6/2025 và tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2025, anh Phạm Đình L trình bày: Vào năm 2023, tôi và chị Th có thoả thuận làm ăn với nhau. Hình thức: Chị Th đầu tư tiền để làm ăn và tôi là người đứng ra đảm bảo cho chị Th, khi chị Th yêu cầu hoàn vốn về. Và sau khi chị Th yêu cầu thì tôi cũng liên hệ bên đầu tư nhưng bên kia họ nói cuối năm họ cố gắng thu xếp và gửi lại cho chị Th. Trong khoảng thời gian đầu tư , thì số tiền lợi nhuận tôi vẫn chuyển đều cho chị Th nhưng không cao được như mức ban đầu.

Nay chị Th làm đơn ra Toà thì tôi chỉ biết vậy chứ đây là hình thức chị ấy đầu tư làm ăn, tôi là người đứng giữa và đảm bảo quyền lợi cho chị Th chứ tôi không vay mượn gì trong số tiền chị Th nêu trên.

Tôi có viết cho chị Th 01 giấy cam kết đảm bảo quyền lợi cho chị Th khi chị Th yêu cầu hoàn vốn về cho chị Th. Tờ giấy đấy, chị Th cũng đã giao nộp lại bản phô tô cho Toà án . Tổng số tiền tôi đã nhận của chị Th là 700.000.000 đồng. Tôi chịu trách nhiệm đòi tiền bên đầu tư để chuyển trả cho chị Th số tiền trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Đăk Lăk tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển

hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim Th, bà Th đã cung cấp giấy cam kết đảm bảo quyền lợi, khi bà Th yêu cầu hoàn vốn sẽ đòi bên đầu tư để trả, giấy mượn tiền, tra cứu tài khoản ngân hàng. từ 06/12/2023 đến 10/01/2024) đã chứng minh có việc ông L vay tiền của bà Th như yêu cầu khởi kiện. Việc bà Th khởi kiện tiền gốc là hoàn toàn có căn cứ.

Ông L thừa nhận số tiền còn nợ lại bà Th là 700.000.000 đồng, nhưng cho rằng đây là tiền bà Th đầu tư kinh doanh, ông chỉ đứng ra đảm bảo quyền lợi, không vay mượn.

Căn cứ vào các chứng từ chuyển tiền, đặc biệt là bản: Hợp đồng thỏa thuận trách nhiệm ngày 18/12/2023 do chính ông L lập và ký, nội dung thể hiện ông L nhận tiền và chịu trách nhiệm trả lại khi bà Th yêu cầu, cho thấy đây là quan hệ vay tài sản theo Điều 463 BLDS.

Bị đơn không xuất trình được chứng cứ về việc giữa bà Th, ông L và “bên đầu tư” có ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh hay thỏa thuận góp vốn. Lời trình bày về việc “đầu tư” chỉ là ý kiến một phía, không có tài liệu chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận.

Khoản tiền 700.000.000 đồng ông L đang giữ là khoản vay còn lại, ông L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Th theo Điều 466 BLDS.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì những lẽ trên: Đề nghị Hội đồng xét xử : Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn (Huỳnh Thị Kim Th), buộc bị đơn (ông Phạm Đình L) phải trả cho bà Thoa số tiền 700.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Phạm Đình L phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn (Huỳnh Thị Kim Th) yêu cầu Tòa án giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” với bị đơn (Phạm Đình L). Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã HS , KB , Đắk Lắk (nay là xã HS, Đắk Lắk) . Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, Đắk Lắk (nay là Toà án nhân dân Khu vực 6 – Đắk Lắk) theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về nợ: Anh Phạm Đình L còn nợ chị Huỳnh Thị Kim Th số tiền là 700.000.000 đồng để đầu tư làm ăn, hẹn khi nào chị Th cần thì anh L sẽ chuyển trả lại số tiền trên cho chị Th . Tuy nhiên, từ tháng 2/2025, chị Th cần tiền và yêu cầu anh Linh trả lại số tiền trên cho chị Th nhưng cho đến nay, anh L chưa trả số tiền còn nợ là 700.000.000 đồng cho chị Th. Căn cứ vào các chứng từ chuyển tiền, đặc biệt là bản “hợp đồng thỏa thuận trách nhiệm” ngày 18/12/2023 do chính anh L lập và ký, nội dung thể hiện anh L nhận tiền và chịu trách nhiệm trả lại khi chị Th yêu cầu, cho thấy đây là quan hệ vay tài sản theo Điều 463 BLDS. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th về việc buộc anh Phạm Đình L có trách nhiệm trả cho chị Th số tiền còn nợ là 700.000.000 đồng.

Anh Phạm Đình L thừa nhận còn nợ chị Thoa số tiền 700.000.000 đồng nhưng cho rằng đây là tiền chị Th đầu tư kinh doanh, anh L chỉ đứng ra đảm bảo quyền lợi, không vay mượn. Tuy nhiên, anh L không xuất trình được chứng cứ về việc giữa chị Th, anh L và “bên đầu tư” có ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh hay thỏa thuận góp vốn. Lời trình bày về việc “đầu tư” chỉ là ý kiến của anh L, không có tài liệu chứng minh, không có cơ sở nên không chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, nên không đặt ra để giải quyết

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do vậy, cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là 20.000.000 đồng + (700.000.000 đ - 400.000.000 đ) x 4% = 20.000.000 đ + 12.000.000 đ = 32.000.000 đ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự

Áp dụng: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (Huỳnh Thị Kim Th): Buộc bị đơn (Phạm Đình L) có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn (chị Huỳnh Thị Kim Th) số tiền là 700.000.000 đồng .

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Anh Phạm Đình L có nghĩa vụ nộp số tiền 32.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm

Trả lại cho chị Huỳnh Thị Kim Th số tiền tạm ứng án phí là 16.000.000 đồng theo biên lai số 7398 ngày 21/4/2025 tại Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Luu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Huế

